

NỘI DUNG HỌC TẬP

MÔN: toán **KHỐI:** 6

BÀI/CHỦ ĐỀ: tuần 3

HOẠT ĐỘNG	NỘI DUNG
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	SÁCH GIÁO KHOA TOÁN 6 TẬP 1 Các em đọc sách giáo khoa và đóng khung những ghi nhớ cần thiết
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i>	Làm bài 1;2;3 (SGK – tr 20;21) BT 1;2;3;4 (SGK – tr 23;24) Làm bài tập 1;2;3;4 (SGK – tr25)
Hoạt động 3: Học sinh cần nhớ các kiến thức	BÀI 5. THỨ TỰ THỰC HIỆN CÁC PHÉP TÍNH. 1. Thứ tự thực hiện phép tính HĐKP1: Khi thực hiện phép tính $6 - 6 : 3 . 2$, bạn An ra kết quả bằng 0, bạn Bình ra kết quả bằng 2. Bạn Chi ra kết quả bằng 5? Vì sao có kết quả khác nhau đó? + An có kết quả bằng 0 vì An thực hiện lần lượt các phép tính từ trái sang phải (sai thứ tự các phép tính): $6 - 6 : 3 . 2 = 0 : 3 . 2 = 0$ + Bình có kết quả bằng 2 vì Bình thực hiện $6:3$ trước: $6 - 6 : 3 . 2 = 6 - 2 . 2 = 6 - 4 = 2$ + Chi có kết quả bằng 5 vì Chi thực hiện 3.2 trước (sai thứ tự phép tính): $6 - 6 : 3 . 2 = 6 - 6 : 6 = 6 - 1 = 5$ * Khi thực hiện các phép tính trong một biểu thức: - Đối với các biểu thức không có dấu ngoặc: + Nếu chỉ có phép cộng, trừ hoặc chỉ có phép nhân, chia, ta thực hiện phép tính theo thứ tự từ trái sang phải. + Nếu có phép tính cộng, trừ, nhân, chia, nâng lên lũy thừa, ta thực hiện phép nâng lên lũy thừa trước, rồi đến

nhân và chia, cuối cùng đến cộng và trừ.

- Đối với các biểu thức có dấu ngoặc:

Nếu biểu thức có các dấu ngoặc tròn (), ngoặc vuông [], ngoặc nhọn { }, ta thực hiện phép tính trong dấu ngoặc tròn trước, rồi thực hiện phép tính trong dấu ngoặc vuông, cuối cùng thực hiện phép tính trong dấu ngoặc nhọn.

VD:

$$\bullet 52 - 8 + 11 = 44 + 11 = 55$$

$$\bullet 60 : 10 \cdot 5 = 6 \cdot 5 = 30$$

$$\bullet 10 + 2 \cdot 4^2 = 10 + 2 \cdot 16 \\ = 10 + 32 = 42$$

$$\bullet (10 + 17) : 9 = 27 : 9 = 3$$

$$\bullet \{15 + 2 \cdot [8 - (5 - 3)]\} : 9$$

$$= 15 + 2 \cdot [8 - 2] : 9$$

$$= \{15 + 2 \cdot 6\} : 9$$

$$= \{15 + 12\} : 9$$

$$= 27 : 9 = 3$$

Thực hành 1:

$$a) 72 \cdot 19 - 36^2 : 18 = 1368 - 72 = 1296.$$

$$b) 750 : \{130 - [(5 \cdot 14 - 65)^3 + 3]\}$$

$$= 750 : \{130 - [(70 - 65)^3 + 3]\}$$

$$= 750 : \{130 - [(5)^3 + 3]\}$$

$$= 750 : \{130 - [125 + 3]\}$$

$$= 750 : \{130 - 128\}$$

$$= 750 : 2$$

$$= 375$$

Thực hành 2:

$$a) (13x - 12^2) : 5 = 5$$

$$13x - 12^2 = 25$$

$$13x = 25 + 12^2$$

$$13x = 25 + 144$$

$$13x = 169$$

$$x = 169 : 13$$

$$x = 13$$

$$b) 3x [8^2 - 2 \cdot (2^5 - 1)] = 2\,022$$

$$x [64 - 2 \cdot 31] = 2\,022 : 3$$

$$x \cdot 2 = 674$$

$$x = 674 : 2$$

$$x = 337$$

2. Sử dụng máy tính cầm tay

Một số phím thường dùng:

+ Nút mở máy: 

+ Nút tắt máy: 

+ Các nút số từ 0 đến 9.

+ Nút dấu cộng, dấu trừ, dấu nhân, dấu chia.

+ Nút dấu “=” cho phép hiện ra kết quả trên màn hình số.

+ Nút xóa: 

+ Nút xóa toàn bộ phép tính vừa thực hiện: 

+ Nút dấu ngoặc trái và phải: 

+ Nút tính lũy thừa: 

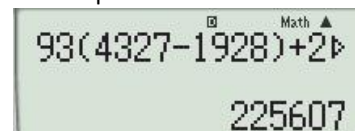
Thực hành 3:

$$a) 93 \cdot (4327 - 1928) + 2500$$

- Nút ấn:



-Kết quả:

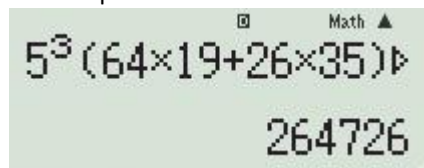


$$b) 5^3 \cdot (64 \cdot 19 + 26 \cdot 35) - 2^{10}$$

- Nút ấn:



- Kết quả:



Làm bài tập 1;2;3 (SGK – tr 20;21)

BÀI 6: CHIA HẾT VÀ CHIA CÓ DƯ. TÍNH CHẤT CHIA HẾT CỦA MỘT TỔNG

1. Chia hết và chia có dư

HĐKP1: Có thể chia đều 15 quyển vở cho 3 bạn được không? Mỗi bạn bao nhiêu quyển vở?

Có thể chia đều 7 quyển vở cho 3 bạn được không?

- Có thể chia đều 15 quyển vở cho 3 bạn. Mỗi bạn được 5 quyển vở.

- Không thể chia đều 7 quyển vở cho 3 bạn.

*** Kiến thức trọng tâm:**

Cho $a, b \in \mathbb{N}$ ($b \neq 0$). Ta luôn tìm được đúng hai số $q, r \in \mathbb{N}$ sao cho $a = b \cdot q + r$ ($0 \leq r < b$) (q, r lần lượt là **thương** và **số dư** trong phép chia a cho b .)

+ Nếu $r = 0$ tức $a = b \cdot q$, ta nói a chia hết cho b , kí hiệu $a : b$ và ta có phép chia hết $a : b = q$.

+ Nếu $r \neq 0$, ta nói a không chia hết cho b , kí hiệu $a \nmid b$ và ta có phép chia có dư.

Thực hành 1:

a) Hãy tìm số dư trong phép chia mỗi số sau đây cho 3:

255; 157; 5105.

$255 : 3 = 85$ (dư 0)

$157 : 3 = 52$ dư 1.

$5105 : 3 = 1701$ dư 2.

b) Có thể sắp xếp cho 17 bạn vào 4 xe taxi được không?

Biết rằng mỗi xe taxi chỉ chở được không quá 4 bạn.

Ta có: $17 = 4 \cdot 4 + 1$

Ta thấy 17 bạn vào cho 4 xe taxi sẽ dư ra 1 người.

Vậy không thể sắp xếp cho 17 bạn vào 4 xe taxi.

2. Tính chất chia hết của một tổng.

HĐKP2: Viết hai số chia hết cho 11. Tổng của chúng có chia hết cho 11 không?

Viết hai số chia hết cho 13. Tổng của chúng có chia hết cho 13 không?

- Hai số chia hết cho 11 là: 22 và 33.

Ta có $22 + 33 = 55 : 11$

- Hai số chia hết cho 13 là: 26 và 39

Ta có $26 + 39 = 65 : 13$

Tính chất 1:

Cho $a, b, n \in \mathbb{N}, n \neq 0$. Nếu $a : n$ và $b : n$ thì $(a+b) : n$.

*** Nhận xét:**

- *Tính chất 1* cũng đúng với một hiệu với $(a \geq b)$:

Nếu $a : n$ và $b : n$ thì $(a-b) : n$.

- *Tính chất 1* có thể mở rộng cho một tổng có nhiều số hạng:

Nếu $a : n$ và $b : n, c : n$ thì $(a+b+c) : n$.

Trong một tổng, nếu mọi số hạng đều chia hết cho cùng một số thì tổng cũng chia hết cho số đó.

HĐKP3: - Viết hai số trong đó một số chia hết cho 6, số còn lại không chia hết cho 6. Kiểm tra xem tổng và hiệu của chúng có chia hết cho 6 không?

- Viết hai số trong đó một số chia hết cho 7, số còn lại không chia hết cho 7. Kiểm tra xem tổng và hiệu của chúng có chia hết cho 7 không?

- Vì $12 : 6$ và $10 \not: 6$

$\Rightarrow 12 + 10 = 22 \not: 6$

$12 - 10 = 2 \not: 6$

- Vì $14 : 7$ và $9 \not: 7$

$\Rightarrow 14 + 9 = 23 \not: 7$

$$14 - 9 = 5 \nmid 7$$

Tính chất 2:

Cho $a, b, n \in \mathbb{N}, n \neq 0$. Nếu $a \nmid n$ và $b : n$ thì $(a+b) \nmid n$.

*** Nhận xét:**

+ **Tính chất 2** cũng đúng với một hiệu ($a > b$)

Nếu $a \nmid n$ và $b : n$ thì $(a-b) \nmid n$.

Nếu $a : n$ và $b \nmid n$ thì $(a-b) \nmid n$.

+ **Tính chất 2** có thể mở rộng cho một tổng nhiều số hạng:

Nếu $a \nmid n, b : n, c : n$ thì $(a + b + c) \nmid n$.

Nếu trong một tổng chỉ có đúng một số hạng không chia hết cho một số, các số hạng còn lại đều chia hết cho số đó thì tổng không chia hết cho số đó.

Thực hành 2:

a. Không thực hiện phép tính, hãy xét xem các tổng các hiệu sau có chia hết cho 4 không? Tại sao?

$$1\ 200 + 440;$$

$$440 - 324;$$

$$2 \cdot 3 \cdot 4 \cdot 6 + 27$$

a) + Vì $1200 : 4$ và $440 : 4$

$$\Rightarrow (1200 + 440) : 4$$

+ Vì $440 : 4$ và $324 : 4$

$$\Rightarrow (440 - 320) : 4$$

+ Vì $2 \cdot 3 \cdot 4 \cdot 6 : 4$ và $27 \nmid 4$

$$\Rightarrow (2 \cdot 3 \cdot 4 \cdot 6 + 27) \nmid 4$$

b) Có: $13 \nmid 5$ và $17 \nmid 5$ nhưng $13 + 17 = 30 : 5$.

Vận dụng: Cho tổng $A = 12 + 14 + 16 + x$, x là số tự nhiên. Tìm x để A chia hết cho 2; A không chia hết cho 2.

$$A = 12 + 14 + 16 + x$$

Ta có: $12 : 2, 14 : 2$ và $16 : 2$

Nên $x : 2$ thì $A : 2$

$x \nmid 2$ thì $A \nmid 2$.

Làm BT 1;2;3;4 (SGK – tr 23;24)

BÀI 7: DẤU HIỆU CHIA HẾT CHO 2, CHO 5

Trong một đại hội thể thao có các đội và số người tham gia trong bảng

Đội	A	B	C	D	E	G	H	I
Số người	10	22	14	17	23	55	36	28

Trong các đội đã cho, đội nào xếp được thành hai hàng có số người bằng nhau?

1. Dấu hiệu chia hết cho 2.

HĐKP1:

Các đội A, B, C, H, I có tổng số người là số chẵn nên chia hết cho 2.

Vì vậy, trong các đội thì các đội có thể xếp được thành hai hàng có số người bằng nhau là đội **A, B, C, H, I**.

Dấu hiệu chia hết cho 2:

Các số có chữ số tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8 (tức là chữ số chẵn) thì **chia hết cho 2** và chỉ những số đó mới chia hết cho 2.

Thực hành

a) Viết hai số lớn hơn 1 000 và chia hết cho 2.

1:

b) Viết hai số lớn hơn 100 và không chia hết cho 2.

a) Hai số lớn hơn 1000 và chia hết cho 2 là: 1002, 1256

b) Hai số lớn hơn 100 và không chia hết cho 2 là: 103, 159

2. Dấu hiệu chia hết cho 5.

Chọn các số chia hết cho 5 ở dưới đây:

10; 22; 15; 27; 33; 25; 19; 36; 95.

Có nhận xét gì về chữ số tận cùng (chữ số hàng đơn vị) của các số chia hết cho 5 vừa chọn.

HĐKP2:

Các số chia hết cho 5 là: 10, 15, 25, 95.

Chữ số tận cùng của các số chia hết cho 5 là 0 và 5.

Dấu hiệu chia hết cho 5:

Các số có chữ số tận cùng là 0 hoặc 5 thì **chia hết cho 5** và chỉ những số đó mới chia hết cho 5.

**Thực
hành
2:**

Tìm chữ số thích hợp thay cho dấu * để số $\overline{17*}$ thỏa mãn từng điều kiện:

a) Chia hết cho 2; b) Chia hết cho 5; c) Chia hết cho cả 2 và 5.

a) Thay dấu * bởi các chữ số 0, 2, 4, 6, 8 thì $\overline{17*}$ chia hết cho 2.

b) Thay dấu * bởi các chữ số 0, 5 thì $\overline{17*}$ chia hết cho 5.

c) Thay dấu * bởi chữ số 0 thì $\overline{17*}$ chia hết cho cả 2 và 5.

Làm bài tập 1;2;3;4 (SGK – tr25)

--	--